

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình và mức chi phí bảo trì công trình trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình và mức chi phí bảo trì công trình trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình và mức chi phí bảo trì công trình trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù**

### 1. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

a) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng 2,5% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng).

b) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng 0,488% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng).

c) Chi phí lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng bằng 0,346% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng).

d) Chi phí lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm thiết bị bằng 0,261% chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng).

2. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án bằng 2,763% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng).

3. Chi phí hỗ trợ giám sát thi công xây dựng bằng 2,566% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng).

4. Mức chi phí bảo trì công trình xây dựng hàng năm bằng 0,1% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng).

5. Chi phí hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được đưa vào tổng mức đầu tư của dự án và sử dụng nguồn kinh phí của dự án để thực hiện; chi phí bảo trì công trình xây dựng tại khoản 4 Điều này được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển ấp hàng năm để thực hiện (trường hợp không có Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển ấp thì chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện).

## Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15. tháng 01 năm 2024.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng

mắc, Sở Xây dựng kịp thời tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, KT, TH-NV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *06*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**